

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/DS-ST

Ngày: 12/9/2025

V/v “Tranh chấp dân sự

về hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Phước Tâm.**

Ông **Nguyễn Văn Chinh.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Linh** - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp.

Vào ngày 12/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2025/QĐXXST-DS ngày 23/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 269/2025/QĐST-DS ngày 11/6/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-DS ngày 08/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST-DS ngày 08/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 138/2025/QĐST-DS ngày 26/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Mỹ L**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ T, ấp Đông B, phường CL, tỉnh Đồng Tháp (xã Hòa A, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là bà Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1979; địa chỉ: số 647, tổ M, ấp Hòa K, phường CL, tỉnh Đồng Tháp (xã Hòa A, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp cũ) theo hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2024).

Bị đơn: Bà **Phan Thị Như M**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ T, ấp Đông B, phường CL, tỉnh Đồng Tháp (xã Hòa A, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp cũ).

Chỗ ở hiện tại: Số 153, QL B, ấp Mỹ T, xã M, tỉnh Đồng Tháp (khóm Mỹ T, thị trấn Mỹ T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1982; địa chỉ: khóm Bình T, xã Lấp V, tỉnh Đồng Tháp (theo hợp đồng ủy quyền ngày 07/7/2025).

(Bà Nguyễn Thị Tuyết T có mặt; ông Nguyễn Văn H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Tuyết T là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Mỹ L trình bày: Ngày 20/12/2021, bà Võ Thị Mỹ L có cho bà Phan Thị Như M vay (mượn) số tiền 340.000.000đồng và có viết biên nhận, mục đích vay để trả nợ cho bà T1, thời hạn trả khoảng 05 ngày đến 10 ngày trả lại, không thỏa thuận lãi suất. Ngày 31/3/2022, bà M tiếp tục vay (mượn) thêm 120.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất để trả tiền còn nợ do nhận chuyển nhượng nhà đất của bà T1 trước đó, bà M cam kết trong biên nhận đến ngày 14/4/2022 sẽ trả đủ số tiền trên nhưng đến nay chưa trả. Đến ngày 01/10/2023 bà M đến gặp bà L mượn biên nhận ngày 20/12/2021 của bà L để viết thêm nội dung: “Kể từ ngày 01/10/2023 đến ngày 03/11/2023, công việc giải ngân sớm sẽ trả đủ”, ngày 01/10 hai bên xác nhận lại không còn giấy nào khác chỉ một giấy này thôi (các giấy khác không còn giá trị). Đến ngày 15/01/2024 và ngày 26/01/2024 bà M có trả được cho bà L 02 lần với số tiền 20.000.000đồng tiền vốn vay. Như vậy, bà M còn nợ lại bà L số tiền vốn gốc 440.000.000đồng. Nay bà Võ Thị Mỹ L yêu cầu bà Phan Thị Như M có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Mỹ L số tiền vốn vay 440.000.000đồng theo biên nhận ngày 20/12/2021 và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/03/2024 (23 tháng) lãi suất 1,66%/tháng thành tiền 167.992.000đồng (tức là $440.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/1\text{tháng} = 7.304.000\text{đồng}/1\text{tháng}$; $23\text{ tháng} \times 7.304.000\text{đồng} = 167.992.000\text{đồng}$) và yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,66%/tháng cho đến khi xét xử sơ thẩm xong. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Mỹ L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Võ Thị Mỹ L yêu cầu bà Phan Thị Như M trả số tiền vốn vay 440.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2025 là (40 tháng 27 ngày) $440.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 40\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 149.366.800\text{đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 589.366.800đồng. Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Như M cũng như người được bà M ủy quyền là ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông

báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo kết quả phiên họp cùng các giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia các phiên hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
 - + Biên nhận mượn tiền ngày 20/12/2021 (bản chính);
 - + Hợp đồng ủy quyền ngày 14/3/2024 (bản chính);
 - + Đơn xác nhận nơi cư trú ngày 20/5/2024 (bản chính);
- Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp:
 - + Hợp đồng ủy quyền ngày 07/7/2025 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ L yêu cầu bà Phan Thị Như M trả số tiền vốn vay 440.000.000đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2025 là (40 tháng 27 ngày) $440.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 40\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 149.366.800\text{đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 589.366.800đồng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Mặc khác, bị đơn có nơi cư trú tại xã Mỹ T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về tố tụng: Đối với bị đơn bà Phan Thị Như M cũng như người được bà M ủy quyền là ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được

sửa đổi, bổ sung năm 2025. Đồng thời, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Mỹ L xác định trong vụ này ngoài số tiền trên thì bà L không tranh chấp số tiền nào khác, trong vụ án này chỉ liên quan đến các đương sự có tên trên, không liên quan đến đương sự nào khác nữa.

[4] Về thời hiệu: Hợp đồng dân sự vay tài sản được xác lập vào ngày 20/12/2021 và ngày 31/3/2022. Tuy nhiên, các đương sự không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ L về việc bà Võ Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Mỹ L số tiền vốn vay 440.000.000đồng theo biên nhận ngày 20/12/2021 và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/03/2024 (23 tháng) lãi suất 1,66%/tháng thành tiền 167.992.000đồng (tức là $440.000.000\text{đồng} \times 1,66\%/1\text{tháng} = 7.304.000\text{đồng}/1\text{tháng}$; $23\text{ tháng} \times 7.304.000\text{đồng} = 167.992.000\text{đồng}$) và yêu cầu tiếp tục tính lãi 1,66%/tháng cho đến khi xét xử sơ thẩm xong. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Mỹ L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Võ Thị Mỹ L yêu cầu bà Phan Thị Như M trả số tiền vốn vay 440.000.000đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2025 là (40 tháng 27 ngày) $440.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 40\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 149.366.800\text{đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 589.366.800đồng. Xét thấy, việc bà Võ Thị Mỹ L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ L về việc yêu cầu bà Phan Thị Như M trả số tiền vốn vay 440.000.000đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 15/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2025 là (40 tháng 27 ngày) $440.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/tháng \times 40\text{ tháng } 27\text{ ngày} = 149.366.800\text{đồng}$, tổng cộng vốn và lãi là 589.366.800 đồng là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Theo biên nhận mượn tiền ngày 20/12/2021 do bà Võ Thị Mỹ L cung cấp thì thể hiện bà Phan Thị Như M có vay (mượn) của bà Võ Thị Mỹ L số tiền 340.000.000đồng, không thỏa thuận lãi suất; đến ngày 31/3/2022 bà M tiếp tục vay (mượn) của bà L số tiền 120.000.000đồng, cũng không thỏa thuận lãi suất. Sau đó, bà M có trả cho bà L được 02 lần tiền vốn vay với số tiền 20.000.000đồng và không tiếp tục trả nữa; việc vay (mượn) tiền là do bà M viết biên nhận và ký tên vào biên nhận. Như vậy, đã đủ căn cứ xác định hiện nay bà M còn nợ bà L với số tiền vốn vay 440.000.000đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Còn đối với số tiền lãi mà bà L yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/4/2022

đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2025 là (40 tháng 27 ngày) 440.000.000đồng x 0,83%/tháng x 40 tháng 27 ngày = 149.366.800đồng là có căn cứ. Vì trong quá trình vay (mượn) tiền hai (02) bên không có thoả thuận lãi suất và bà M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L nên việc bà L yêu cầu bà M trả số tiền lãi với thời gian chậm trả là hoàn toàn phù hợp với pháp luật. Mặt khác, bà Phan Thị Như M cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bà M đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về những yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ L đối với bà Phan Thị Như M nhưng bà M cũng như người đại diện theo uỷ quyền của bà M cũng không có văn bản ý kiến hay phản đối gì đối với những yêu cầu của bà L. Do đó, việc bà L khởi kiện yêu cầu bà M có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 440.000.000đồng và số tiền lãi 149.366.800đồng, tổng cộng 589.366.800đồng là hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà Võ Thị Mỹ L xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì bà L không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Mỹ L về việc yêu cầu bà Phan Thị Như M trả số tiền vốn vay 440.000.000đồng và số tiền lãi 149.366.800đồng, tổng cộng 589.366.800đồng, nên bà Phan Thị Như M phải chịu 27.574.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Mỹ L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.160.000đồng theo biên lai số 0012897 ngày 14/10/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 116, 275, 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 227, 228 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mỹ L.
- Buộc bà Phan Thị Như M trả cho bà Võ Thị Mỹ L số tiền 589.366.800đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu ba trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Bà Phan Thị Như M phải chịu 27.574.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Võ Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Võ Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.160.000 đồng theo biên lai số 0012897 ngày 14/10/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSKV9-ĐT;
- Toà án Tỉnh;
- THADS tỉnh ĐT;
- Lưu: HSPA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh